TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 5 – 2024
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

2. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Hồng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Thạch Thị Đ**.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Trần P**.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 25-3-2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Thạch Thị Đ trình bày:

Bà Thạch Thị Đ và ông Trần P có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 180 ngày 11-10-2013. Trong thời gian chung sống với nhau, bà Đ và ông P có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết dẫn đến cuộc sống không còn hạn phúc; ông, bà không còn chung sống và không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay bà Đ không còn tình cảm vợ

chồng với ông P nữa, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc, nên bà Đ yêu cầu Toà án giải quyết cho bà Đ ly hôn với ông P.

Bà Đ với ông P có hai con chung tên Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 25-5-2013 và Trần Thị Mỹ Đ, sinh ngày 18-12-2017, đang sống chung với gia đình ông P; bà Đ nhường quyền nuôi hai con cho ông P và tự nguyện cấp dưỡng cho hai con mỗi cháu là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng với thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Toà án xét xử sơ thẩm ngày 29-5-2024 cho đến khi các con chung tròn 18 (Mười tám) tuổi.

Bà Đ với ông P không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

2. Đối với bị đơn: Ông Trần P đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, nhưng ông P đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

3. Ý kiến của con chung: Trong văn bản ngày 08-5-2024, của bà Thạch Thị Đ có ghi nhận ý kiến của con chung là cháu Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 25-5-2013, thì cháu có nguyện vọng sống chung với cha là ông Trần P.

4. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn ông Trần P chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Có cơ sở chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã Đ xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp K, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Trần P đã Đ Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hai lần hợp lệ, nhưng đều vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn

tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Đ và ông Trần P được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 10 năm 2013. Tòa án đã thông báo và triệu tập các đương sự tham gia hòa giải, nhưng ông P đều vắng mặt; tại phiên tòa bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, vì cho rằng ông, bà không còn chung sống với nhau cũng không quan tâm, chăm sóc cho nhau, bà không còn tình cảm với ông P, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Vì vậy, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Đ với ông P không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Đ với ông P có hai con chung tên Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 25-5-2013 và Trần Thị Mỹ Đ, sinh ngày 18-12-2017, hiện nay đều đang sống chung với ông P. Nay bà Đ đồng ý giao hai con chung cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy, ông P không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của bà Đ; bên cạnh đó, thì cháu Trần Thị Mỹ T cũng có nguyện vọng được sống chung với ông Trần P. Do đó, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho ông P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung; đồng thời cũng nhằm ổn định cuộc sống cho hai cháu, nên cần giao cháu T và cháu Đ cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Bà Đ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng; bà Đ cũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định của khoản 1 và 2 Điều 81; khoản 1 và 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông P không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền cấp dưỡng mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Toà án xét xử sơ thẩm ngày 29-5-2024 cho đến khi các con chung tròn 18 (Mười tám) tuổi, điều này cũng phù hợp với quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng, nhưng bà phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, vì bà là nguyên đơn trong vụ án và sẽ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2014; khoản 1 Điều 56, khoản 1 và 2 Điều 81; khoản 1 và 3 Điều 82; Điều 83; Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị Đ.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Thạch Thị Đ được ly hôn với bị đơn ông Trần P.

1.2. Về con chung:

- Giao hai con chung tên Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2013 và Trần Thị Mỹ Đ, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2017 cho ông Trần P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T và cháu Đ tròn 18 (mười tám) tuổi.

- Bà Thạch Thị Đ có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Trần Thị Mỹ T và cháu Trần Thị Mỹ Đ được sống chung với ông Trần P.

- Bà Thạch Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Thạch Thị Đ về việc cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2013 và cháu Trần Thị Mỹ Đ, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2017, với mức cấp dưỡng mỗi cháu là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng; Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 29 tháng 5 năm 2024 cho đến khi cháu T và cháu Đ tròn 18 (mười tám) tuổi.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thạch Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004577 ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà Đ đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với bị đơn vắng mặt tại phiên toà, thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Uỷ ban nhân dân xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh